

Số: 1443/SGDĐT-VP
V/v hướng dẫn thi đua “Đổi mới,
sáng tạo trong dạy và học” và xét
khen thưởng năm học 2019-2020

Ninh Bình, ngày 31 tháng 10 năm 2019

Kính gửi:

- Trưởng các phòng của Sở;
- Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Sở;
- Trưởng phòng GD&ĐT các huyện, thành phố;
- Giám đốc các Trung tâm GDNN-GDTX.

Căn cứ Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng;

Căn cứ Thông tư số 22/2018/TT-BGDĐT ngày 28/8/2018 của Bộ GD&ĐT về việc Hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng ngành Giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 09/2018/QĐ-UBND ngày 04/6/2018 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy chế Thi đua, Khen thưởng trên địa bàn tỉnh Ninh Bình;

Căn cứ Hướng dẫn số 61/HD-SGDĐT ngày 21/8/2018 của Sở GD&ĐT về việc tổ chức hoạt động và bình xét thi đua của Khối thi đua các Trường THPT, các Phòng GD&ĐT;

Căn cứ Quyết định số 482/QĐ-SGDĐT ngày 08/10/2019 của Sở GD&ĐT về việc ban hành Quy định đánh giá, xếp loại thi đua ngành GD&ĐT Ninh Bình, Sở GD&ĐT hướng dẫn thi đua “Đổi mới, sáng tạo trong dạy và học” và xét khen thưởng năm học 2019-2020 đối với các phòng của Sở; các đơn vị trực thuộc Sở; Phòng GD&ĐT và Trung tâm GDNN-GDTX các huyện, thành phố, cụ thể như sau:

I. Mục tiêu: Động viên đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và người lao động toàn ngành chủ động đổi mới sáng tạo, quyết tâm thi đua “Đổi mới, sáng tạo trong dạy và học”, nhằm đổi mới căn bản chất lượng giáo dục, đào tạo; phấn đấu hoàn thành xuất sắc các lĩnh vực công tác năm học 2019-2020.

II. Phạm vi, đối tượng: Tập thể, cá nhân thuộc Sở GD&ĐT, các đơn vị trực thuộc Sở, Phòng GD&ĐT và các đơn vị trực thuộc Phòng GD&ĐT các huyện, thành phố; tập thể là Trung tâm GDNN-GDTX các huyện, thành phố.

III. Nội dung thi đua:

- Thực hiện theo 11 lĩnh vực công tác đối với các phòng GD&ĐT; 9 lĩnh vực công tác đối với Trung tâm GDTX, TH&NN tỉnh; 8 lĩnh vực công tác đối với các trường THPT. Riêng, đối với các Trung tâm GDNN-GDTX, thực hiện 3 lĩnh vực gồm: Giáo dục thường xuyên, Giáo dục trung học và Văn phòng. Mỗi lĩnh vực công tác được đánh giá bằng điểm số theo thang điểm 10 được làm tròn đến 0,1.

- Các lĩnh vực công tác gồm: Giáo dục mầm non (*Phụ lục 1*); Giáo dục tiểu học (*Phụ lục 2*); Giáo dục trung học (*Phụ lục 3*); Giáo dục thường xuyên (*Phụ lục 4*); Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục (*Phụ lục 5A, Phụ lục 5B*); Công tác giáo dục thể chất, y tế trường học, giáo dục chính trị và công tác học sinh, sinh viên (*Phụ lục 6*); Công tác kế hoạch, tài chính, xây dựng cơ sở vật chất và xã hội hóa giáo dục (*Phụ lục 7A, Phụ lục 7B*); Công tác tổ chức, cán bộ (*Phụ lục 8A, Phụ lục 8B*); Công tác thanh tra (*Phụ lục 9*); Công tác tổng hợp, thi đua - khen thưởng, nghiên cứu khoa học, viết sáng kiến và ứng dụng công nghệ thông tin (*Phụ lục 10A, Phụ lục 10B*); Thực hiện các cuộc vận động, phong trào thi đua và công tác tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương (*Phụ lục 11*).

IV. Tổ chức thực hiện

1. Các Khối thi đua

a) Cụ thể hóa các tiêu chí thi đua phù hợp với thực tiễn của Khối theo các lĩnh vực công tác do Sở GD&ĐT hướng dẫn.

b) Tổ chức hoạt động và bình xét thi đua của Khối theo Hướng dẫn số 61/HD-SGD&ĐT ngày 21/8/2018 của Sở GD&ĐT.

c) Kết thúc hợp thi đua lần hai của Khối (tổ chức vào cuối năm học), các Khối đánh giá, chấm điểm kết quả thực hiện phong trào thi đua, bình xét, xếp loại thi đua các đơn vị trong Khối theo các tiêu chí do Sở ban hành, gửi kết quả về Sở GD&ĐT trước ngày 05/6/2020 - có danh sách Khối thi đua kèm theo.

2. Phòng GD&ĐT các huyện, thành phố; các đơn vị trực thuộc Sở

a) Có trách nhiệm cụ thể hóa các tiêu chí thi đua của Sở GD&ĐT, tổ chức phát động phong trào thi đua phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội và yêu cầu phát triển giáo dục của địa phương, của Khối thi đua nhằm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ năm học.

b) Tổ chức kiểm tra, sơ kết, tổng kết, đánh giá, bình xét thi đua, thẩm định minh chứng, sản phẩm đổi mới, sáng tạo.

c) Kết thúc năm học các đơn vị lựa chọn các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc đổi mới, sáng tạo trong dạy và học kèm minh chứng, sản phẩm gửi về Sở GD&ĐT (qua bộ phận thi đua - khen thưởng thuộc Văn phòng Sở) trước ngày 05/6/2020 để Sở GD&ĐT xét, đề nghị khen thưởng.

3. Các phòng của Sở, Công đoàn giáo dục tỉnh

a) Xây dựng nội dung đánh giá thi đua chi tiết cho mỗi lĩnh vực.

b) Kiểm tra, đôn đốc việc tổ chức phong trào thi đua.

c) Thẩm định báo cáo, minh chứng, sản phẩm; đánh giá, chấm điểm kết quả thi đua của các Phòng GD&ĐT, các đơn vị trực thuộc Sở, các Trung tâm GDNN-GDTX; trường hợp các minh chứng, sản phẩm ngoài khả năng thẩm định (nếu có), đơn vị tham mưu trình Giám đốc Sở lập Hội đồng thẩm định, đánh giá; gửi kết quả về Thường trực Hội đồng thi đua, khen thưởng ngành trước ngày 05/6/2020.

4. Thường trực Hội đồng thi đua, khen thưởng ngành

a) Tổng hợp kết quả phong trào thi đua của các phòng của Sở; các đơn vị trực thuộc Sở; Phòng GD&ĐT các huyện, thành phố.

b) Tổng hợp điểm do các phòng của Sở được giao chủ trì đánh giá và tổng hợp đánh giá, xếp loại của Khối thi đua các Trường THPT, các Phòng GD&ĐT, các Trung tâm GDNN-GDTX.

c) Tham mưu tổ chức họp Hội đồng thi đua, khen thưởng ngành.

d) Trình xin ý kiến quyết định của Giám đốc Sở về kết quả xét thi đua phiên họp Hội đồng thi đua, khen thưởng ngành; hoàn chỉnh thủ tục hồ sơ khen thưởng. *bf*

Nơi nhận:

- Như kính gửi (qua IOffice);
- Lãnh đạo Sở;
- Thường trực Công đoàn giáo dục tỉnh;
- Lưu: VT, VP. THI/5.

GIÁM ĐỐC



Vũ Văn Kiểm

HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ THI ĐUA NĂM HỌC 2019-2020
LĨNH VỰC GIÁO DỤC MẦM NON

Phụ lục 1

(Kèm theo công văn số 443 /SGDĐT-VP ngày 31 /10/2019 của Sở GD&ĐT)

I. Phương pháp đánh giá: Đánh giá bằng điểm số theo thang điểm 10,0

II. Các tiêu chí đánh giá, xếp loại

Nội dung	Điểm tối đa	Điểm tự chấm	Đánh giá của Phòng GDMN
1. Tiêu chí 1: Phát triển số lượng và chất lượng	4,5		
1.1. Phát triển số lượng			
- Thực hiện đa dạng hoá các loại hình GDMN			
- Tỷ lệ huy động			
+ Nhà trẻ:			
+ Mẫu giáo:			
- Phát triển cân đối các độ tuổi.			
- Huy động số lượng trẻ đến lớp tăng tỷ lệ % DSĐT so với năm học trước.			
1.2. Chất lượng	3,5		
a) Nuôi dưỡng:	1,0		
- Có nhiều biện pháp nâng tỷ lệ trẻ ăn bán trú tại trường			
+ Nhà trẻ:			
+ Mẫu giáo:			
- Chất lượng hồ sơ quản lý bán trú.			
- Giảm tỷ lệ trẻ SDD so đầu năm học và so với năm học trước.			
b) Chăm sóc, vệ sinh và đảm bảo an toàn	1,0		
- Đảm bảo an toàn tuyệt đối cho trẻ			
- Thực hiện đầy đủ việc cân đo, khám sức khỏe, tiêm chủng phòng bệnh theo qui định			
Có đủ phương tiện vệ sinh và sử dụng thường xuyên, có hiệu quả			
Đảm bảo vệ sinh trường, lớp, vệ sinh cá nhân trẻ			
c) Giáo dục:	1,5		
- Xây dựng kế hoạch thực hiện chương trình GDMN phù hợp và triển khai thực hiện kế hoạch có hiệu quả (Kế hoạch trường, kế hoạch nhóm, lớp).			
- 100% nhóm, lớp thực hiện chương trình GDMN			
- Chất lượng thực hiện chương trình GDMN			
- Triển khai chuyên đề "Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm" và các chuyên đề khác đạt hiệu quả			
2. Tiêu chí 2: Đội ngũ cán bộ giáo viên - Xây dựng cơ sở vật chất	2,0		

Nội dung	Điểm tối đa	Điểm tự chấm	Đánh giá của Phòng GDMN
<p>2.1. Đội ngũ giáo viên</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đủ đội ngũ cán bộ, giáo viên và sắp xếp phân công cán bộ giáo viên hợp lý. Thực hiện tốt chế độ chính sách đối với giáo viên. Hồ sơ theo dõi đội ngũ đầy đủ, chất lượng - Tỷ lệ giáo viên có trình độ chuẩn trở lên. - Tỷ lệ giáo viên có trình độ trên chuẩn. - 100% giáo viên có tay nghề, khả năng sư phạm đạt yêu cầu trở lên. 100% giáo viên đảm bảo phẩm chất đạo đức nhà giáo, không có đơn thư khiếu kiện <p>Công tác bồi dưỡng giáo viên: Tham gia đầy đủ có chất lượng các lớp bồi dưỡng do Bộ, Sở tổ chức</p>	1,0		
<p>2.2. Xây dựng cơ sở vật chất</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất trường lớp, mua sắm trang thiết bị theo yêu cầu trường mầm non đạt chuẩn Quốc gia. - 100% có đủ công trình vệ sinh, nước sạch và bếp ăn một chiều đạt yêu cầu tối thiểu trở lên. Có khuôn viên trường lớp, sân chơi xanh, sạch, đẹp, đảm bảo an toàn. - Quản lý chặt chẽ và sử dụng tốt cơ sở vật chất nhà trường. 	1,0		
<p>3. Tiêu chí 3: Công tác quản lý, tuyên truyền</p>	1,0		
<p>3.1. Công tác quản lý:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có kế hoạch và chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ năm học, kỳ, tháng, tuần đảm bảo chất lượng. - Sử dụng có hiệu quả các phần mềm quản lý trường mầm non... Hồ sơ quản lý đủ và có chất lượng. <p>Thực hiện thông tin, báo cáo đầy đủ, kịp thời, chính xác.</p>	0,8		
<p>3.2. Công tác tuyên truyền</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có kế hoạch tuyên truyền về ngành học và phổ biến kiến thức nuôi dạy con theo khoa học. - Có nhiều biện pháp tổ chức thực hiện công tác tuyên truyền đạt hiệu quả cao (số lượng người được tuyên truyền, 100% các trường, lớp có góc tuyên truyền chung, sự phối hợp, tổ chức hội thi, viết bài, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng) 	0,2		
<p>4. Tiêu chí 4: Xây dựng trường mầm non đạt chuẩn quốc gia</p> <ul style="list-style-type: none"> Số lượng, chất lượng trường đã đạt chuẩn các năm học trước Số lượng, chất lượng các trường được công nhận trong năm học Số lượng, chất lượng các trường được công nhận lại sau 5 năm trong năm học - Có biện pháp nâng cao chất lượng ở những trường đã đạt chuẩn quốc gia. 	1,5		

Nội dung	Điểm tối đa	Điểm tự chấm	Đánh giá của Phòng GDMN
5. Tiêu chí 5: Phổ cập Giáo dục mầm non trẻ 5 tuổi			
- Có kế hoạch cụ thể về phổ cập năm tuổi trong năm học sát với tình hình thực tế địa phương.	1,0		
- Có biện pháp thực hiện duy trì và nâng cao chất lượng của từng tiêu chuẩn đạt hiệu quả.			
Chất lượng báo cáo, chất lượng hồ sơ phổ cập			
Sử dụng phần mềm phổ cập có hiệu quả			
Tổng điểm	10,0		

III. Tổ chức thực hiện

Căn cứ vào các tiêu chí thi đua nêu trên, các đơn vị rà soát việc thực hiện nhiệm vụ năm học và tự đánh giá cho điểm đơn vị mình. Cuối năm học các đơn vị gửi báo cáo tiêu chí thi đua về Sở GD&ĐT (qua phòng giáo dục mầm non) trước ngày 31/5/2020. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, báo cáo về phòng GDMN để kịp thời giải quyết./.

HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ THI ĐUA NĂM HỌC 2019-2020
LĨNH VỰC GIÁO DỤC TIỂU HỌC

(Kèm theo công văn số 1443/SGDDĐT-VP ngày 31/10/2019 của Sở GD&ĐT)

Tiêu chí	Nội dung	Điểm tối đa
1	100% cán bộ quản lí, giáo viên, nhân viên chấp hành tốt Quy định đạo đức nhà giáo; Luật Công chức; Luật Viên chức; đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước.	1.0
2	100% các trường thực hiện chương trình, kế hoạch giáo dục phù hợp với điều kiện của từng đơn vị; có giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục, thực hiện tích cực đổi mới các PPDH: Dạy học theo VNEN, dạy Mĩ thuật theo phương pháp mới, Bàn tay nặn bột, TV1.CGD. 100% trường tiểu học thực hiện ATTH; 100% trường tiểu học tổ chức bán trú đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. Huy động 75% trẻ khuyết tật được học hòa nhập; 100% học sinh khuyết tật học hòa nhập có kế hoạch giáo dục cá nhân. 100% giáo viên dạy trẻ khuyết tật được tập huấn.	2.0
3	100% trường thực hiện đánh giá, khen thưởng học sinh đúng quy định theo Thông tư 22/2016/TT – BGDDĐT đảm bảo trung thực, khách quan, chính xác góp phần nâng cao hiệu quả, chất lượng dạy học.	1.0
4	100% trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2 dạy tiếng Anh 4 tiết/tuần; dạy Tin học từ khối 3 trở lên; dạy học 2 buổi/ngày cho 100% học sinh. 30% số trường/đơn vị đảm bảo số máy tính cho học sinh theo định mức tại Công văn số 5807/BGDĐT-CNTT ngày 21/12/2018 của Bộ GDĐT.	1.0
5	Công tác kiểm định chất lượng giáo dục và xây dựng trường chuẩn quốc gia: - 100% trường tiểu học thực hiện tự đánh giá và thực hiện hiệu quả kế hoạch cải tiến chất lượng - 100% trường đạt chuẩn quốc gia sau 5 năm được kiểm tra công nhận lại. - Xây dựng trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2: + Học kỳ 1 năm học 2019-2020: Có 4 trường được đề nghị kiểm tra công nhận đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2: Nho Quan: 1, Yên Khánh: 1, Yên Mô: 1, Kim Sơn: 1. + Kết thúc năm học 2019-2020: Có thêm 3 trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2: Nho Quan: 1, Kim Sơn: 1, Gia Viễn: 1. + Các đơn vị còn lại duy trì, củng cố, nâng chất lượng trường đạt chuẩn Quốc gia các mức độ, đặc biệt quan tâm chất lượng các hoạt động giáo dục và cơ sở vật chất.	1.5
6	100% trường tiểu học thực hiện sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất hiện có, ứng dụng mạnh mẽ Công nghệ thông tin trong dạy học	0.5

Tiêu chí	Nội dung	Điểm tối đa
	và quản lý giáo dục, khai thác thường xuyên trang http://truonghocketnoi .	
7	Trường tiểu học đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2 sử dụng 100% bàn đôi, ghế đơn hoặc bàn đơn, ghế đơn; có thiết bị trên sân tập, công trình vệ sinh giáo viên, học sinh đảm bảo.	1.0
8	Phòng GDĐT Yên Khánh, Hoa Lư, thành phố Tam Điệp, thành phố Ninh Bình xây dựng điểm 01 trường điển hình về giáo dục tiểu học.	0.5
9	100% cán bộ quản lí, giáo viên dự hội nghị, hội thảo, chuyên đề, tập huấn, bồi dưỡng đúng, đủ thành phần, đảm bảo thời gian và tham gia tích cực các hoạt động.	0.5
10	Thực hiện thông tin báo cáo định kỳ, đột xuất cập nhật, chính xác, đúng thời gian.	1.0
Tổng		10.0

HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ THI ĐUA NĂM HỌC 2019-2020
LĨNH VỰC GIÁO DỤC TRUNG HỌC
 (Kèm theo công văn số 1443/SGDĐT-VP ngày 31/10/2019 của Sở GD&ĐT)

Phụ lục 3

I. Phương pháp đánh giá: Đánh giá bằng điểm số. Thang điểm 10,0.

II. Các tiêu chí đánh giá, xếp loại:

1. Đối với trường THPT và phòng GDĐT

Stt	Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm tự chấm	Điểm đánh giá của phòng GDTrH
1	<p>Chất lượng giáo dục:</p> <p>a) Học lực:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kết quả xếp loại học lực của học sinh trong năm học - Kết quả thi THPT Quốc gia, xét tốt nghiệp lớp 9 và tỷ lệ học sinh được lên lớp - Kết quả các đợt kiểm tra, thanh tra trong từng học kỳ và cả năm của Sở <p>b) Hạnh kiểm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kết quả xếp loại hạnh kiểm của học sinh trong năm học - Các biện pháp giáo dục đạo đức học sinh trong năm học - Nền nếp học sinh của đơn vị 	1,5		
2	<p>Công tác bồi dưỡng giáo viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tham gia đầy đủ các đợt tập huấn, bồi dưỡng giáo viên và các chuyên đề do Sở GDĐT, Bộ GDĐT tổ chức - Công tác tổ chức bồi dưỡng thường xuyên ở đơn vị có hiệu quả và chất lượng, kết quả bài kiểm tra của Sở GDĐT dành cho CBQL và GV của đơn vị. - Các chuyên đề, ngoại khóa góp phần nâng cao năng lực chuyên môn, chất lượng đội ngũ; thực hiện đổi mới đồng bộ phương pháp dạy học và đổi mới kiểm tra đánh giá - Tổ chức hội giảng, dự giờ thăm lớp tại đơn vị đảm bảo chất lượng, hiệu quả. Kết quả thi GV Giỏi cấp tỉnh 	1,5		
3	<p>Công tác bồi dưỡng HSG, kết quả các cuộc thi trong năm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức cho học sinh tham gia ôn luyện theo quy định - Tỷ lệ học sinh tham gia các cuộc thi - Kết quả thi cấp tỉnh, khu vực và quốc gia 	1,5		
4	<p>Thực hiện kế hoạch giáo dục năm học:</p> <p>Xây dựng kế hoạch giáo dục riêng của đơn vị theo định hướng phát triển năng lực học sinh; Thực hiện hợp lí, hiệu quả hướng dẫn nhiệm vụ GDTrH trong năm học phù hợp với nhà trường, địa phương; Có nhiều giải pháp đổi mới, sáng tạo trong công tác quản lí, thực hiện nhiệm vụ và các hoạt động giáo dục được ghi nhận; thực hiện tốt việc tuyên truyền chủ trương đổi mới giáo dục tới đồng nghiệp, phụ huynh và cộng đồng xã hội. Ứng dụng tốt CNTT trong các hoạt động của đơn vị.</p> <p>Thực hiện các chuyên đề, chủ đề, ngoại khóa, hoạt động trải nghiệm sáng tạo...bổ ích;</p> <p>Sử dụng hợp lí, khai thác tối đa tác dụng của các thiết bị dạy học, phương tiện nghe nhìn, phòng học bộ môn;</p> <p>Duy trì sĩ số học sinh trong năm học (<i>tỷ lệ phân trăm</i>).</p> <p>Xây dựng và duy trì thư viện đạt chuẩn, tiên tiến, xuất sắc.</p>	2,5		

5	Hoạt động giáo dục nghề phổ thông và tư vấn hướng nghiệp: <ul style="list-style-type: none"> - Đảm bảo 100% học sinh lớp 11 tham gia học nghề; - Chất lượng các lớp dạy nghề và sinh hoạt hướng nghiệp; chất lượng các loại hồ sơ sổ sách của đơn vị. - Công tác quản lý học sinh, việc thực hiện quy chế trong giáo dục nghề phổ thông và sinh hoạt hướng nghiệp. - Kết quả thi nghề phổ thông. - Công tác phân luồng HS sau THCS và THPT. 	0,5		
6	Công tác phổ cập giáo dục: <ul style="list-style-type: none"> - Chất lượng phổ cập giáo dục (PCGD) của đơn vị; - Chất lượng báo cáo và chất lượng hồ sơ PCGD; - Báo cáo đủ các mẫu biểu, đúng quy định, đúng lịch, số liệu tổng hợp chính xác; - Phần mềm PCGD được sử dụng có hiệu quả. 	0,5		
7	Thực hiện nghiêm túc việc đánh giá theo chuẩn Hiệu trưởng, chuẩn giáo viên trung học. Chất lượng đội ngũ của đơn vị	0,5		
8	Công tác xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia Số lượng, chất lượng trường đã được công nhận đạt chuẩn những năm học trước tính theo tỷ lệ phần trăm; duy trì, nâng cao trường đã đạt chuẩn và trường tái chuẩn đúng thời hạn; <ul style="list-style-type: none"> - Số lượng, chất lượng các trường được công nhận trong năm học; - Số lượng, chất lượng, tỷ lệ phần trăm các trường đến thời hạn được kiểm tra tái chuẩn. 	1,0		
9	Thông tin, báo cáo: <ul style="list-style-type: none"> - Đảm bảo đầy đủ số lượng, đúng thời gian các loại báo cáo định kỳ và báo cáo đột xuất - Nội dung các loại báo cáo đúng mẫu, đảm bảo chính xác 	0,5		
Tổng điểm tối đa (mười điểm)		10,0		

2. Đối với các trung tâm

a) Trung tâm GDNN-GDTX

- Thực hiện công tác phổ cập giáo dục (như tiêu chí 6)
- Công tác giáo dục hướng nghiệp và dạy nghề phổ thông (như tiêu chí 5)

b) Trung tâm GDTX, Tin học và Ngoại ngữ tỉnh: Căn cứ vào chức năng nhiệm vụ của trung tâm để đánh giá, xếp loại. Phòng GDTrH đánh giá, xếp loại các công tác sau:

- Công tác phổ cập giáo dục;
- Công tác giáo dục nghề phổ thông;
- Công tác tư vấn hướng nghiệp cho học sinh;
- Công tác bồi dưỡng giáo viên của Trung tâm.

III. Tổ chức, thực hiện:

Các đơn vị căn cứ vào các tiêu chí thi đua nêu trên, thường xuyên rà soát việc thực hiện nhiệm vụ năm học và tự đánh giá cho điểm đơn vị mình. Cuối năm học các đơn vị gửi báo cáo về phòng GDTrH, Sở GDĐT (trước ngày 31/5/2020) về việc thực hiện các tiêu chí thi đua; báo cáo cần phản ánh trung thực những tiêu chí đã đạt được và các tiêu chí chưa hoàn thành (phải có đủ các minh chứng kèm theo). Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc báo cáo về phòng GDTrH theo số ĐT 02293 872 347./.

LĨNH VỰC GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN

(Kèm theo công văn số 443 /SGDDT-VP ngày 31 /10/2019 của Sở GD&ĐT)

A. ĐỐI VỚI PHÒNG GD&ĐT CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ

TT	Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa
I.	Công tác lãnh đạo, chỉ đạo chuyên môn của Phòng GD&ĐT; chế độ thông tin báo cáo hội họp	2,0
1	Có giải pháp mới trong chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ GDTX tại địa phương.	0,5
2	Tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng CBQL, BCV về công tác GDTX tại địa phương.	0,5
3	Quản lý, chỉ đạo hiệu quả các hoạt động của TTHTCĐ.	0,5
4	Thực hiện công tác thông tin, báo cáo đúng, đủ, đảm bảo thời gian theo qui định.	0,5
II.	Đẩy mạnh các hoạt động xây dựng xã hội học tập	2,5
1	Phối hợp với các cơ quan, đoàn thể của địa phương làm tốt công tác tuyên truyền về HTSD và triển khai hiệu quả nhiệm vụ <i>xây dựng xã hội học tập</i> .	0,5
2	Tổ chức tổ Tuần lễ hưởng ứng học tập suốt đời và triển khai các hoạt động hưởng ứng Ngày sách Việt nam tích cực tham gia viết bài trên Bản tin Xây dựng xã hội học tập của tỉnh, Bản tin Giáo dục của ngành.	1,0
3	Thực hiện đánh giá, xếp loại “Cộng đồng học tập” cấp xã một cách thiết thực, hiệu quả; triển khai thực hiện nhân rộng các mô hình “Gia đình học tập”, “Dòng họ học tập”, “Cộng đồng học tập” và “Đơn vị học tập”.	0,5
4	Chủ động, tích cực triển khai việc phát triển văn hóa đọc trong nhà trường và TTHTCĐ. Hướng dẫn các nhà trường, TTHTCĐ xây dựng thư viện và phát huy hiệu quả hệ thống thư viện.	0,5
III.	Công tác xóa mù chữ (XMC), giáo dục tiếp tục sau khi biết chữ (GDTTSKBC) và bổ túc THCS	1,5
1	Thực hiện việc điều tra, cập nhật thông tin chính xác về công tác XMC trên hệ thống thông tin phổ cập giáo dục của Bộ GDĐT đúng qui trình và thời gian qui định.	0,5
2	Phối hợp với các tổ chức, ban ngành, đoàn thể mở các lớp XMC, GDTTSKBC, BTTHCS tại các địa phương; có biện pháp giúp người mới biết chữ củng cố kết quả học tập và hạn chế tình trạng tái mù chữ.	0,5
3	Chỉ đạo thực hiện đúng quy chế về quản lý hồ sơ sổ sách, chuyên môn các lớp XMC, GDTTSKBC, BTTHCS.	0,5
IV.	Nâng cao hiệu quả hoạt động của TTHTCĐ	3,0
1	Thực hiện rà soát, đánh giá hiệu quả hoạt động của TTHTCĐ. Có triển khai thí điểm mô hình TTHTCĐ hoạt động hiệu quả, phát triển bền vững.	1,0
2	Có sự phối hợp với các cơ quan, ban ngành, đoàn thể, các tổ chức, chương trình dự án tại địa phương để biên soạn tài liệu bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kĩ năng; chuyên giao công nghệ cho các TTHTCĐ phù hợp với đặc điểm nhận thức, nhu cầu người học và gắn với nhu cầu phát	0,5

TT	Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa
	triển của cộng đồng.	
3	Tổ chức được các lớp học, các chuyên đề thiết thực, hiệu quả đáp ứng nhu cầu học tập của người dân giúp người học có thể áp dụng các tri thức, kỹ năng vào cuộc sống.	1,0
4	Tổ chức đánh giá, xếp loại các TTHTCD theo hướng dẫn tại Công văn số 751/SGDDĐT-GDĐT ngày 01/8/2013 của Sở GDĐT Ninh Bình về việc đánh giá TTHTCD.	0,5
V.	Công tác bồi dưỡng thường xuyên	1,0
1	Xây dựng kế hoạch và triển khai hiệu quả công tác bồi dưỡng thường xuyên.	0,5
2	Tổ chức kiểm tra, đánh giá kết quả BDTX cho CBQL, giáo viên các trường MN, TH, THCS trong năm học theo đúng qui định.	0,5
	Tổng điểm	10,0

B. ĐỐI VỚI TRUNG TÂM GDĐT, TIN HỌC VÀ NGOẠI NGỮ TỈNH

TT	Tiêu chí	Điểm tối đa
I.	Công tác quản lý, chỉ đạo có hiệu quả	2,25
1	Chỉ đạo thực hiện nghiêm túc các chương trình giáo dục thường xuyên do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; Thực hiện nghiêm túc việc đào tạo, liên kết đào tạo, kiểm tra, cấp chứng chỉ ngoại ngữ, CNTT theo đúng quy định của Bộ GDĐT.	1,0
2	Phối hợp với các sở, ban, ngành, tổ chức và cá nhân có liên quan tổ chức các lớp bồi dưỡng về tin học, ngoại ngữ; tư vấn hướng nghiệp.	0,25
	Thực hiện tốt công tác kiểm tra nội bộ; quản lý tốt nề nếp, kỷ cương; thực hiện đánh giá khen thưởng khách quan, công bằng.	0,5
3	Triển khai nội dung các cuộc vận động, các phong trào thi đua của ngành bằng các việc làm thường xuyên, thiết thực, phù hợp với đơn vị,.	0,5
II.	Nâng cao hiệu quả hoạt động của trung tâm theo hướng phát triển bền vững	2,5
4	Đa dạng hóa nội dung, chương trình giáo dục ở nhiều lĩnh vực nhằm thu hút mọi người tham gia học tập.	0,75
5	Thực hiện nghiêm túc việc tổ chức dạy học, kiểm tra, đánh giá, công nhận kết quả học tập theo Chương trình GDĐT về tiếng Anh thực hành ban hành theo Quyết định số 66/QĐ-BDGDĐT, ngày 02/12/2008 của Bộ GDĐT; Thực hiện nghiêm túc việc dạy học, tổ chức thi, cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin theo qui định.	0,75
6	Nâng cao chất lượng giáo dục nghề phổ thông, khuyến khích việc dạy nghề truyền thống của địa phương; đổi mới, đa dạng hóa các hình thức tư vấn, hướng nghiệp, đưa nội dung giáo dục khởi nghiệp vào giảng dạy.	0,5
7	Tích cực mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ ngoại ngữ, tin học cho cán bộ công chức, viên chức và người lao động.	0,5
8	Tích cực huy động các nguồn lực để xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm	0,5

TT	Tiêu chí	Điểm tối đa
	trang thiết bị dạy học phục vụ cho thực hiện các nhiệm vụ của đơn vị.	
III.	Đẩy mạnh các hoạt động chuyên môn, nâng cao chất lượng giáo dục	3,25
1	Thực hiện đổi mới PPDH gắn với đổi mới kiểm tra, đánh giá kết quả giáo dục theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực của học viên; tăng cường ứng dụng CNTT trong quản lý và hỗ trợ đổi mới phương pháp dạy học.	0,5
2	Tích cực đổi mới hình thức, phương pháp đào tạo, bồi dưỡng TH, NN. Xây dựng kỷ cương, nề nếp đối với việc dạy NN, TH và kiểm tra cấp chứng chỉ; Nâng cao chất lượng sinh hoạt tổ/nhóm chuyên môn dựa trên nghiên cứu bài học, tổ chức sinh hoạt chuyên; tích cực tham gia diễn đàn trên mạng.	0,75
3	Tổ chức có hiệu quả các hoạt động chuyên môn như: Hội giảng; tự làm thiết bị dạy học; dạy học theo chủ đề tích hợp; vận dụng kiến thức liên môn để giải quyết các tình huống thực tế; sử dụng di sản văn hóa trong dạy học... vv	1,0
4	Có đề tài nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng, viết sáng kiến kinh nghiệm về quản lý, giảng dạy góp phần nâng cao chất lượng dạy học các chương trình GDTX.	0,5
5	Thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả các hoạt động: giáo dục pháp luật, giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống; giáo dục bảo vệ môi trường; giáo dục ATGT...vv.	0,5
V.	Thực hiện nề nếp thông tin, báo cáo, tham dự hội họp	2,0
1	Thực hiện công tác sơ kết, tổng kết và nộp báo cáo đảm bảo chính xác, đầy đủ các thông tin, đúng biểu mẫu và đúng thời hạn.	1,0
2	Tham gia các buổi họp, tập huấn bồi dưỡng đầy đủ, đúng thành phần, có sự chuẩn bị và ý kiến phát biểu.	1,0
	Tổng điểm	10,0

C. ĐỐI VỚI TRUNG TÂM GDNN-GDTX

TT	Tiêu chí	Điểm tối đa
I.	Công tác quản lý, chỉ đạo có hiệu quả	2,0
1	Có các biện pháp quản lý theo hướng chuyên sâu nhằm đảm bảo nề nếp, kỷ cương trong dạy học; chấn chỉnh kịp thời những sai phạm về chuyên môn, về đạo đức nhà giáo.	1,0
2	Triển khai nội dung các cuộc vận động, các phong trào thi đua của ngành bằng các việc làm thường xuyên, thiết thực, phù hợp với đơn vị, tạo sự chuyển biến tích cực trong ý thức, thái độ và hành vi của cán bộ giáo viên, học viên.	0,5
3	Chỉ đạo thực hiện nghiêm túc các chương trình giáo dục thường xuyên do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; tổ chức tốt việc ôn tập thi THPT quốc gia; phụ đạo cho học viên yếu kém, bồi dưỡng học viên giỏi	0,5
II.	Nâng cao hiệu quả hoạt động của trung tâm	3,0
1	Huy động tốt học viên đến học; duy trì sĩ số.	0,5
3	Đa dạng hóa nội dung, chương trình giáo dục ở nhiều lĩnh vực nhằm thu	1,0

TT	Tiêu chí	Điểm tối đa
	hút mọi người tham gia học tập.	
4	Đưa nội dung giáo dục khởi nghiệp vào giảng dạy tại trung tâm.	0,5
5	Phối hợp với phòng GD&ĐT, Hội Khuyến học tăng cường các hoạt động tư vấn, hỗ trợ các TTHTCD về tài liệu học tập, tập huấn cho cán bộ quản lí, báo cáo viên của TTHTCD.	0,5
6	Tích cực huy động các nguồn lực để xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị dạy học phục vụ cho thực hiện các nhiệm vụ của đơn vị.	0,5
III.	Đẩy mạnh các hoạt động chuyên môn, nâng cao chất lượng giáo dục	3,0
1	Thực hiện đổi mới PPDH gắn với đổi mới kiểm tra, đánh giá kết quả giáo dục theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực của học viên; tăng cường ứng dụng CNTT trong quản lý và hỗ trợ đổi mới phương pháp dạy học.	0,5
2	Nâng cao chất lượng sinh hoạt tổ/nhóm chuyên môn dựa trên nghiên cứu bài học, tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo cụm trung tâm hoặc sinh hoạt chuyên môn cùng với các trường phổ thông trên địa bàn; tích cực tham gia diễn đàn trên mạng.	0,5
3	Tổ chức có hiệu quả các hoạt động chuyên môn như: Hội giảng; tự làm thiết bị dạy học; dạy học theo chủ đề tích hợp; vận dụng kiến thức liên môn để giải quyết các tình huống thực tế; tham gia thi học viên giỏi cấp tỉnh; sử dụng di sản văn hóa trong dạy học... vv	1,0
4	Có đề tài nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng, viết sáng kiến kinh nghiệm về quản lý, giảng dạy góp phần nâng cao chất lượng dạy học các chương trình GDTX.	0,5
5	Thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả các hoạt động: giáo dục pháp luật, giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống; giáo dục bảo vệ môi trường; giáo dục ATGT...vv.	0,5
V.	Thực hiện nề nếp thông tin, báo cáo, tham dự hội họp	2,0
1	Thực hiện công tác sơ kết, tổng kết và nộp báo cáo đảm bảo chính xác, đầy đủ các thông tin, đúng biểu mẫu và đúng thời hạn.	1,0
2	Tham gia các buổi họp, tập huấn bồi dưỡng đầy đủ, đúng thành phần, có sự chuẩn bị và ý kiến phát biểu.	1,0
	Tổng điểm	10,0

HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ THI ĐUA NĂM HỌC 2019-2020
CÔNG TÁC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC
ĐỐI VỚI TRUNG TÂM GD TX, TIN HỌC VÀ NGOẠI NGỮ TỈNH
(Kèm theo công văn số 1443 /SGDDT-VP ngày 31 /10/2019 của Sở GD&ĐT)

A. Các nội dung đánh giá, xếp loại thi đua

1. Công tác khảo thí: 5,0 điểm.
2. Công tác khảo sát, đánh giá chất lượng giáo dục về văn hóa: 3,0 điểm.
3. Thực hiện chế độ thông tin báo cáo, quản lý cấp phát văn bằng, chứng chỉ đúng quy định: 2,0 điểm.

B. Cách đánh giá, xếp loại

- Xếp đơn vị theo từng khối thi đua đã quy định tại Quyết định số 482/QĐ-SGDĐT ngày 08/10/2019 về việc thành lập khối thi đua đối với các trường Trung học phổ thông thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Ninh Bình.
- Điểm của các nội dung được đánh giá dưới đây là điểm tối đa mà đơn vị đạt được.

C. Cụ thể hóa các nội dung, tiêu chí đánh giá thi đua

I. Công tác khảo thí (5,0 điểm)

1. Phối hợp tốt với các đơn vị có liên quan để tổ chức tốt các kỳ thi (0,25 điểm).
2. Xây dựng kế hoạch và phương án tổ chức các kỳ thi và kiểm tra theo đúng tiến độ và chỉ đạo của Sở GD&ĐT, sát tình hình đơn vị. Chuẩn bị tốt về các điều kiện để phục vụ tổ chức thi. Tổ chức các hội nghị và tập huấn về công tác khảo thí đúng quy định (0,75 điểm).
3. Bố trí đủ cán bộ làm công tác thi, trong đó có cán bộ thành thạo công nghệ thông tin để tham gia nhập dữ liệu, xử lý số liệu và quản lý dữ liệu thi. Cử người tham gia công tác khảo thí đúng thành phần, đủ số lượng theo điều động của Sở GD&ĐT (0,5 điểm).
4. Tham gia đầy đủ và đúng thành phần các hội nghị, hội thảo, tập huấn về công tác khảo thí của Sở GD&ĐT, sử dụng có hiệu quả công nghệ thông tin vào công tác khảo thí (0,5 điểm).
5. Xếp hạng của kỳ thi chọn học sinh giỏi, học viên giỏi lớp 12 cấp tỉnh (1,25 điểm).
6. Tổ chức các kỳ thi và kiểm tra của đơn vị đảm bảo an toàn, không có sai sót, không có vênh lệch so với báo cáo của đơn vị. Tổ chức, thực hiện công tác thi, xét tốt nghiệp đảm bảo an toàn, đúng quy chế, đúng nhiệm vụ được giao (1,25 điểm).

7. Thực hiện nghiêm túc chỉ đạo của Sở GD&ĐT, phối hợp tốt với phòng Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục trong việc tổ chức các kỳ thi (0,5 điểm).

II. Công tác khảo sát, đánh giá chất lượng giáo dục về văn hóa (3,0 điểm)

1. Cử người tham gia công tác khảo sát, đánh giá đúng thành phần, đủ số lượng theo điều động của Sở GD&ĐT. Tổ chức, thực hiện công tác khảo sát, đánh giá đảm bảo an toàn, đúng quy chế, đúng nhiệm vụ được giao (1,25 điểm).

2. Kết quả điểm trung bình chung của các môn được khảo sát, đánh giá (1,75 điểm).

III. Thực hiện chế độ báo cáo (2,0 điểm)

1. Thực hiện chế độ báo cáo theo từng nội dung thi đua đảm bảo đầy đủ, chính xác, đúng biểu mẫu, đúng thời gian quy định (0,75 điểm).

2. Quản lý, cấp phát văn bằng, chứng chỉ đúng quy định. (1,25 điểm)/.

HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ THI ĐUA NĂM HỌC 2019-2020
CÔNG TÁC GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ VÀ CÔNG TÁC HỌC SINH SINH VIÊN;
CÔNG TÁC GIÁO DỤC THỂ CHẤT VÀ Y TẾ TRƯỜNG HỌC
(Kèm theo công văn số ~~1443~~ /SGDDĐT-VP ngày 31 /10/2019 của Sở GD&ĐT)

1. Cách đánh giá

- Căn cứ nội dung công tác năm học 2019 - 2020 về thực hiện nhiệm vụ giáo dục thể chất, hoạt động thể thao và y tế trường học (GDTC) và nhiệm vụ giáo dục chính trị và công tác học sinh, sinh viên (GDCTHSSV), gọi chung là Công tác học sinh, sinh viên (CTHSSV), Sở Giáo dục và Đào tạo Ninh Bình đánh giá mức độ hoàn thành công việc ở từng mặt công tác của các đơn vị để cho điểm theo các mức quy định.

- Kết thúc năm học, xếp thứ tự các đơn vị theo các khối riêng, tổng điểm ở từng mặt công tác, đơn vị nào có tổng điểm lớn nhất xếp thứ 1 và lần lượt xếp theo độ dốc đến đơn vị cuối cùng.

- Căn cứ các báo cáo tháng, quý và cuối học kỳ theo quy định, Sở Giáo dục và Đào tạo có kế hoạch tổ chức kiểm tra, đánh giá CTHSSV ở các đơn vị trong năm học.

2. Tiêu chuẩn đánh giá và cho điểm

Các tiêu chí cụ thể đánh giá bằng điểm số chính xác tới 0,1 điểm; tổng điểm tối đa là 10 điểm, cụ thể như sau:

2.1. Có văn bản chỉ đạo, hướng dẫn triển khai, thường xuyên đôn đốc, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện tốt các quy chế, quy định, văn bản chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, của Sở Giáo dục và Đào tạo Ninh Bình về CTHSSV; có báo cáo đầy đủ và kịp thời theo yêu cầu và định kỳ kết quả thực hiện các nội dung Xây dựng THPTHSTC và các hoạt động giáo dục thể chất và y tế trường học về Sở Giáo dục và Đào tạo (2 điểm).

2.2. Tổ chức hiệu quả các hoạt động giáo dục đạo đức, lối sống, truyền thống cách mạng, giáo dục kỹ năng sống, tư vấn tâm lý, triển khai thực hiện tốt sử dụng bộ tài liệu Bác Hồ và những bài học về đạo đức, lối sống dành cho học sinh và các bộ tài liệu theo Công văn số 985/SGDDĐT-CTTT ngày 13/8/2019 của Sở Giáo dục và Đào tạo Ninh Bình; tổ chức tham gia hiệu quả các hoạt động tư tưởng, văn hóa, nghệ thuật, các Hội thi văn hóa, văn nghệ cấp trường, cấp huyện và cấp tỉnh; thực hiện tốt chế độ, chính sách cho cán bộ Đoàn, Đội trong các nhà trường (2 điểm).

2.3. Có biện pháp hiệu quả, phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường, gia đình và các cơ quan chức năng ở địa phương trong việc quản lý, giáo dục học sinh, học viên (đặc biệt phối hợp với lực lượng công an tăng cường quản lý, giáo dục thanh, thiếu niên hư có nguy cơ vi phạm pháp luật) ở trong nhà trường và ngoài xã hội nhằm đảm bảo an ninh, trật tự trường học; giáo dục trật tự an toàn giao thông, trật tự đô thị, phòng chống bạo lực học đường, tác hại của trò chơi trực tuyến có nội dung bạo lực, không lành mạnh; phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội trong học

sinh, sinh viên. Thực hiện tốt Chỉ thị số 1537/BGDĐT-CTHSSV ngày 05/5/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Công văn số 488 /SGDĐT-HSSV ngày 19 tháng 5 năm 2014 của Sở Giáo dục và Đào tạo Ninh Bình về việc tăng cường và nâng cao hiệu quả một số hoạt động giáo dục cho học sinh trong các cơ sở giáo dục đào tạo.

Không để xảy ra các vụ việc nghiêm trọng hoặc gây bức xúc trong dư luận xã hội liên quan đến vi phạm về đạo đức, lối sống, an ninh, trật tự an toàn xã hội trong cán bộ, nhà giáo và học sinh, học viên (2 điểm).

2.4. Tổ chức thực hiện tốt các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Sở Giáo dục và Đào tạo Ninh Bình về công tác y tế trường học. Thực hiện hiệu quả công tác truyền thông, giáo dục về y tế trường học, công tác bảo vệ chăm sóc giáo dục trẻ em và phòng chống HIV/AIDS.

Đối với khối phòng Giáo dục và Đào tạo đảm bảo có 100% số trường có cán bộ phụ trách công tác y tế trường học, trong đó tối thiểu có 65% là cán bộ chuyên trách có trình độ từ trung cấp y trở lên; 75% trở lên số trường có phòng y tế, số còn lại có tủ thuốc, cơ sở vật chất, kinh phí phục vụ Công tác Y tế trường học; 95% số trường học có công trình nước sạch và công trình vệ sinh hợp vệ sinh.

Đối với khối trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo: đảm bảo 100% các nhà trường đều có phòng y tế, có cán bộ y tế chuyên trách có trình độ trung cấp y trở lên, có công trình nước sạch và công trình vệ sinh đạt tiêu chuẩn kỹ thuật, hợp vệ sinh.

Các cơ sở giáo dục đảm bảo 98% trở lên học sinh tham gia Bảo hiểm y tế. Không có trường hợp ngộ độc thực phẩm xảy ra. Không có trường hợp trẻ em, học sinh tử vong do tai nạn thương tích tại nhà trường. Không để xảy ra dịch bệnh, bệnh tật học đường nghiêm trọng (2 điểm).

2.5. Tổ chức cho học sinh, học viên được luyện tập thể thao ngoại khóa thường xuyên và có sự hướng dẫn của giáo viên, triển khai thực hiện nghiêm túc các bài thể dục buổi sáng, giữa giờ và võ cổ truyền Việt Nam dành cho học sinh; triển khai thực hiện tốt các quy định về tiêu chuẩn rèn luyện thể lực. Có tổ chức các giải thể thao cấp trường, huyện, thành phố; tích cực tham gia các giải thể thao do Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh, học viên; mỗi trường có ít nhất 01 câu lạc bộ thể thao học sinh, học viên. Khối trực thuộc Sở phấn đấu mỗi trường đều có công trình thể dục, thể thao (nhà tập, sân tập), khối Phòng Giáo dục và Đào tạo đảm bảo có từ 65% trở lên số trường có công trình thể dục, thể thao (nhà tập, sân tập) (2 điểm)/.

HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ THI ĐUA NĂM HỌC 2019-2020 Phụ lục 7A
CÔNG TÁC KẾ HOẠCH, THỐNG KÊ, TÀI CHÍNH, XÂY DỰNG CSVC
VÀ SÁCH THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC - ĐỐI VỚI PHÒNG GD&ĐT CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ
(Kèm theo công văn số 1443 /SGDDT-VP ngày 31 /10/2019 của Sở GD&ĐT)

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Ghi chú
I	Công tác xây dựng kế hoạch	1	
1	Số liệu kế hoạch đảm bảo độ chính xác và logic	0,4	
2	Tình hình thực hiện kế hoạch	0,3	
3	Chấp hành thời gian nộp báo cáo	0,3	
II	Công tác thống kê	1	
1	Số liệu báo cáo đảm bảo độ chính xác và logic	0,5	
2	Chấp hành thời gian nộp báo cáo	0,5	
III	Công tác tài chính	2	
1	Tổng hợp dự toán năm đối với các đơn vị trực thuộc	0,7	
2	Hướng dẫn, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát các cơ sở giáo dục trên địa bàn chấp hành các quy định về thu, chi, quản lý, sử dụng nguồn kinh phí theo đúng quy định	0,8	
3	Không có tình trạng lạm thu trong GD, thất thoát tài sản, kinh phí	0,5	
IV	Thực hiện Quy chế công khai theo Thông tư 09/TT-BGD	0,3	
1	Chỉ đạo của PGD&ĐT đối với các đơn vị trực thuộc về thực hiện công khai	0,1	
2	Kết quả thực hiện của các cơ sở GD	0,1	
5	Chấp hành báo cáo về việc thực hiện công khai	0,1	
V	Xã hội hóa giáo dục (huy động tự nguyện đầu tư cho GD)	1	
1	Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả chính sách khuyến khích XHH, huy động các nguồn lực xã hội để phát triển GD&ĐT	0,3	
2	Có chính sách địa phương hỗ trợ ngành GD đặc biệt là những chính sách đối với đội ngũ nhà giáo	0,2	
3	Kết quả huy động các nguồn lực để TCCSVC, mua sắm thiết bị	0,5	
VI	Cơ sở vật chất	2	
1	Tỷ lệ kiên cố hóa trường lớp	0,2	
2	Tỷ lệ số trường có công trình vệ sinh hợp vệ sinh	0,2	
3	Số lượng phòng học, phòng chức năng xây mới	0,6	
4	Số lượng các công trình cải tạo, sửa chữa nâng cấp CSVC trường lớp	0,6	
5	Trường đã đạt chuẩn Quốc gia	0,4	
5.1	Đối với các đơn vị đã có 100% số trường đạt chuẩn Quốc gia	0,4	
5.2	Đối với các đơn vị chưa có 100% số trường đạt chuẩn Quốc gia	0,4	
5.2.1	Tỷ lệ trường đạt chuẩn Quốc gia đến cuối năm học trước (2017-2018)	0,2	
5.2.2	Số trường đạt chuẩn Quốc gia trong năm học 2018-2019	0,2	
VII	Công tác sách, Thiết bị và thư viện trường học	1,8	
1	Tỷ lệ số tiền đầu tư mua sách và thiết bị so với KPTX (từ 2% trở lên)	0,6	
2	Thư viện trường học	0,6	
2.1	Số trường đã đạt các danh hiệu thư viện đến cuối năm học 2017-2018	0,3	
2.1.1	Thư viện đạt Xuất sắc	0,3	

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Ghi chú
2.1.2	Thư viện đạt Tiên tiến	0,2	
2.1.3	Thư viện đạt chuẩn	0,1	
2.2	Số trường đã đạt các danh hiệu thư viện trong năm học 2018-2019	0,3	
2.2.1	Thư viện đạt Xuất sắc	0,3	
2.2.2	Thư viện đạt Tiên tiến	0,2	
2.2.3	Thư viện đạt chuẩn	0,1	
3	Thiết bị tin học	0,6	
3.1	Số máy vi tính tại các đơn vị trường học đến cuối năm học trước (2017-2018)	0,3	
3.1.1	Bình quân số máy vi tính/đơn vị trường học MN	0,1	
3.1.2	Bình quân số máy vi tính/đơn vị trường học Tiểu học	0,1	
3.1.3	Bình quân số máy vi tính/đơn vị trường học THCS	0,1	
3.2	Bình quân số máy vi tính mua sắm mới trong năm học 2018-2019	0,3	
3.2.1	Bình quân số máy vi tính/đơn vị trường học MN	0,1	
3.2.2	Bình quân số máy vi tính/đơn vị trường học Tiểu học	0,1	
3.2.3	Bình quân số máy vi tính/đơn vị trường học THCS	0,1	
VIII	Hợp tác quốc tế, ODA để phát triển CSVC, thiết bị dạy học	0,2	
1	Dự án khai thác mới	0,1	
2	Dự án thực hiện chuyển tiếp từ năm trước	0,1	
IX	Báo cáo về CSVC, sách, thiết bị	0,7	
1	Báo cáo đúng mẫu, đầy đủ nội dung, số liệu, chính xác	0,5	
2	Chấp hành thời gian nộp báo cáo	0,2	
	Tổng điểm	10	

Ghi chú:

1 Nguyên tắc đánh giá xếp loại chung

Đánh giá xếp loại chung: Xếp theo thứ tự tổng điểm (I-IX) đã đánh giá, đơn vị nào có tổng điểm cao nhất được xếp số 1 và xếp theo thứ tự có tổng điểm giảm dần, đơn vị có tổng điểm thấp nhất xếp cuối

2 Cơ sở đánh giá:

Cơ sở đánh giá cho điểm từng mục của từng Tiêu chí : Là kết quả quá trình thực hiện nhiệm vụ của đơn vị qua theo dõi công tác thực hiện của cơ quan quản lý

3 Điểm đánh giá đối với các nội dung (V), (VI), (VII) xác định như sau: Mỗi nội dung thành phần thuộc các tiêu chí được lấy đại diện một đơn vị đạt mức cao nhất, xác định điểm tương ứng cho đơn vị đó là 100% số điểm thành phần, các đơn vị còn lại có mức độ hoàn thành đạt dưới mức chuẩn cao nhất điểm thành phần tính tương ứng với tỷ lệ công việc mà đơn vị đó hoàn thành./.

HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ THI ĐUA NĂM HỌC 2019-2020
CÔNG TÁC KẾ HOẠCH, THỐNG KÊ, TÀI CHÍNH, XÂY DỰNG CSVC
VÀ SÁCH THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC - ĐỐI VỚI CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC SỞ
(Kèm theo công văn số 1443 /SGDDT-VP ngày 31 /10/2019 của Sở GD&ĐT)

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Ghi chú
I	Công tác xây dựng kế hoạch	1	
1	Số liệu kế hoạch đảm bảo độ chính xác và logic	0,4	
2	Tình hình thực hiện kế hoạch	0,3	
3	Chấp hành thời gian nộp báo cáo	0,3	
II	Công tác thống kê	1	
1	Số liệu báo cáo đảm bảo độ chính xác và logic	0,5	
2	Chấp hành thời gian nộp báo cáo	0,5	
III	Công tác tài chính	2,5	
1	Xây dựng dự toán	0,4	
	Ngân sách	0,2	
	Nguồn thu sự nghiệp	0,2	
2	Kết quả triển khai thực hiện quyền tự chủ tài chính	0,4	
	Xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ phù hợp	0,2	
	Thực hiện quy chế chi tiêu nội bộ	0,2	
3	Công tác quản lý tài chính, tài sản	0,5	
	Quản lý tài sản theo đúng quy định	0,2	
	Thu và chi các nguồn kinh phí theo quy định, sử dụng có hiệu quả	0,3	
4	Công tác kế toán	1	
	Thực hiện chế độ kế toán, nghiệp vụ kế toán	0,3	
	Sổ sách, chứng từ	0,3	
	Chấp hành chế độ báo cáo tài chính và các báo cáo khác	0,3	
	Theo dõi, tổng hợp, báo cáo về ODA, vốn đầu tư nước ngoài	0,1	
5	Không có tình trạng lạm thu trong GD, thất thoát tài sản, kinh phí	0,2	
IV	Thực hiện Quy chế công khai theo Thông tư 09/TT-BGD	0,5	
1	Nội dung công khai	0,2	
2	Hình thức công khai	0,1	
3	Thời điểm công khai	0,1	
4	Chấp hành báo cáo về việc thực hiện công khai	0,1	
V	Xã hội hóa giáo dục (huy động các nguồn lực, kể cả hiện vật quy tiền)	1	
1	Có kế hoạch huy động	0,2	
2	Thực hiện có kết quả kế hoạch huy động	0,8	
VI	Cơ sở vật chất	2	
1	Tỷ lệ kiên cố hóa trường lớp	0,2	
2	Trường có công trình vệ sinh hợp vệ sinh	0,2	
3	Số lượng phòng học, phòng chức năng xây mới	0,6	
4	Cải tạo, sửa chữa nâng cấp CSVC trường lớp	0,6	
5	Trường đạt chuẩn Quốc gia	0,4	

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Ghi chú
5.1	Trường đã đạt chuẩn Quốc gia đến cuối năm học trước (2017-2018)	0,4	
5.2	Trường đạt chuẩn Quốc gia trong năm học 2018-2019	0,4	
5.3	Trường chưa đạt chuẩn Quốc gia nhưng đảm bảo tương đối các điều kiện về CSVC theo yêu cầu đạt chuẩn Quốc gia	0,2	
VII	Công tác sách, Thiết bị và thư viện trường học	1	
1	Tỷ lệ số tiền đầu tư mua sách và thiết bị so với KPTX (từ 2% trở lên)	0,4	
2	Thư viện trường học	0,6	
2.1	Trường đã đạt các danh hiệu thư viện đến cuối năm học 2017-2018	0,3	
2.1.1	Thư viện đạt Xuất sắc	0,3	
2.1.2	Thư viện đạt Tiên tiến	0,2	
2.1.3	Thư viện đạt chuẩn	0,1	
2.2	Trường đã đạt các danh hiệu thư viện trong năm học 2018-2019	0,3	
2.2.1	Thư viện đạt Xuất sắc	0,3	
2.2.2	Thư viện đạt Tiên tiến	0,2	
2.2.3	Thư viện đạt chuẩn	0,1	
VIII	Hợp tác quốc tế, ODA để phát triển CSVC, thiết bị dạy học	0,2	
1	Dự án khai thác mới	0,1	
2	Dự án thực hiện chuyển tiếp từ năm trước	0,1	
IX	Báo cáo về CSVC, sách, thiết bị	0,8	
1	Báo cáo đúng mẫu, đầy đủ nội dung, số liệu, chính xác	0,6	
2	Chấp hành thời gian nộp báo cáo	0,2	
	Tổng điểm	10	

Ghi chú:

1 Nguyên tắc đánh giá xếp loại chung

Đánh giá xếp loại chung: Xếp theo thứ tự tổng điểm (I-IX) đã đánh giá, đơn vị nào có tổng điểm cao nhất được xếp số 1 và xếp theo thứ tự có tổng điểm giảm dần, đơn vị có tổng điểm thấp nhất xếp cuối

2 Cơ sở đánh giá:

Cơ sở đánh giá cho điểm từng mục của từng Tiêu chí : Là kết quả quá trình thực hiện nhiệm vụ của đơn vị qua theo dõi công tác thực hiện của cơ quan quản lý

- 3 Điểm đánh giá đối với các nội dung (V), (VI), (VII) xác định như sau:** Mỗi nội dung thành phần thuộc các tiêu chí được lấy đại diện một đơn vị đạt mức cao nhất, xác định điểm tương ứng cho đơn vị đó là 100% số điểm thành phần, các đơn vị còn lại có mức độ hoàn thành đạt dưới mức chuẩn cao nhất điểm thành phần tính tương ứng với tỷ lệ công việc mà đơn vị đó hoàn thành./.

HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ THI ĐUA NĂM HỌC 2019-2020
CÔNG TÁC TỔ CHỨC CÁN BỘ - ĐỐI VỚI PHÒNG GD&ĐT CÁC HUYỆN, TP
(Kèm theo công văn số 1443/SGDDT-VP ngày 31/10/2019 của Sở GD&ĐT)

1. Thực hiện điều chỉnh quy hoạch, kiện toàn hệ thống trường lớp; kiện toàn tổ chức bộ máy Phòng GD&ĐT; thực hiện quản lý biên chế, lao động (1 điểm)

- Tham mưu cho UBND cấp huyện điều chỉnh, sắp xếp lại hệ thống trường lớp, đảm bảo quy mô hợp lý (0,25 đ)

- Chỉ đạo các đơn vị thuộc phòng kiện toàn đầy đủ các tổ chức trong nhà trường và hoạt động có hiệu quả (Hội đồng trường, tổ chuyên môn và tương đương, các hội đồng tư vấn, tổ chức Đảng, đoàn thể, hội ... trong nhà trường). (0,25 đ)

- Tổng hợp số liệu về biên chế, lao động hợp đồng ở các cơ sở giáo dục thuộc phòng báo cáo về sở đúng thời gian quy định. (0,5đ)

2. Công tác bố trí, sử dụng, đánh giá đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên (2 điểm)

Phối hợp với các phòng chuyên môn của huyện tham mưu:

- Xây dựng, thực hiện kế hoạch phát triển giáo dục của huyện, thị xã theo quy định của Bộ, Sở Giáo dục và Đào tạo, trong đó có kế hoạch phát triển đội ngũ. (0,5 đ)

- Công tác cán bộ quản lý: Kiện toàn cán bộ quản lý (số CBQL được bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển); Công tác phát triển đảng viên trong trường học (số liệu đảng viên, số chi bộ, đảng bộ giáo dục, số chi bộ ghép ...). (0,25 đ)

- Tuyển dụng, tiếp nhận: Tổng hợp số cán bộ, viên chức tuyển dụng, tiếp nhận đến từ tỉnh, huyện ngoài về, cho đi trong năm? Đánh giá về cơ cấu, chủng loại giáo viên được điều động, tiếp nhận, tuyển mới và những tiến bộ đạt được. (0,25 đ)

- Việc bố trí, sử dụng đội ngũ: thực trạng phân bổ đội ngũ giữa các cơ sở giáo dục, mức độ cân đối về số lượng và cơ cấu bộ môn giữa các cơ sở giáo dục trong huyện. Nêu cụ thể bộ môn thừa, thiếu (số lượng và từng chủng loại cụ thể) của các đơn vị và toàn huyện, các giải pháp khắc phục. (0,5 đ)

- Đánh giá, xếp loại cán bộ, giáo viên nhân viên cuối năm học đảm bảo khách quan, chính xác, phù hợp với đánh giá theo chuẩn nghề nghiệp theo hướng dẫn của Bộ và đánh giá theo theo Nghị định số 56/2015/NĐ-CP ngày 9/6/2015 về việc đánh giá, phân loại cán bộ công chức, viên chức. Có các báo cáo thống kê theo quy định. (0,5 đ)

3. Công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ (3 điểm)

- Tham mưu xây dựng, thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên, trong đó có đội ngũ giáo viên Tiếng Anh theo Kế hoạch thực hiện Đề án ngoại ngữ Quốc gia 2020 của tỉnh. Tham gia các lớp bồi dưỡng, nhất là bồi dưỡng chương trình giáo dục phổ thông 2018, nội dung bồi dưỡng; số người dự và đánh giá kết quả bồi dưỡng chuyên đề, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ ... (2 đ)

- Kết quả đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn: có thống kê số lượng, tỉ lệ cán bộ, giáo viên đạt chuẩn và trên chuẩn của Phòng GD&ĐT tại thời điểm báo cáo. (0,5 đ)

- Kết quả đào tạo bồi dưỡng về Tin học, Ngoại ngữ, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp cho đội ngũ cán bộ, giáo viên. Tổng số và tỷ lệ cán bộ giáo viên, nhân viên có chứng chỉ A, B về Tin học và Ngoại ngữ (tính đến thời điểm báo cáo). (0,5 đ)

4. Việc quản lý hồ sơ, thực hiện chế độ, chính sách, khen thưởng, kỷ luật (2 điểm)

- Bổ sung hồ sơ cán bộ; quản lý và sử dụng hồ sơ cán bộ (kể cả hồ sơ điện tử) (0,5 đ).

- Hoàn chỉnh hồ sơ BHXH cho cán bộ, công chức mới tuyển dụng. (0,5 đ)

- Thực hiện các chế độ, chính sách: nâng lương, chế độ phụ cấp, ốm đau, thai sản; nghỉ dưỡng sức, nghỉ BHXH ... (0,5 đ)

- Xét, đề nghị khen thưởng, kỷ luật cán bộ, giáo viên, nhân viên (số liệu, tính kịp thời, chính xác).(0,5 đ)

5. Đổi mới công tác quản lý giáo dục, cải cách hành chính, thực hiện chế độ báo cáo (2 điểm)

- Tham mưu thực hiện tốt phân cấp quản lý về nhân sự, tài chính cho các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc phòng theo quy định .(0,25 đ)

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý nhân sự, quản lý thông tin giáo dục, khai thác sử dụng mạng nội bộ, kết nối internet. (0,5 đ)

- Thực hiện cải cách thủ tục hành chính ở cơ quan phòng và các đơn vị nhà trường (công khai thủ tục hành chính, xây dựng bổ sung, kết quả thực hiện và chỉ đạo thực hiện quy chế làm việc, quy chế dân chủ trong nhà trường, quy chế chi tiêu nội bộ ...).(0,5 đ)

- Giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo liên quan đến công tác quản lý, sử dụng, điều động, bổ nhiệm, luân chuyển, thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức. (0,25 đ)

- Số lượng báo cáo đầy đủ, đúng thời hạn; nội dung đúng, đủ, chất lượng báo cáo tốt. Báo cáo kịp thời những khó khăn, vướng mắc trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao về công tác tổ chức và cán bộ. (0,5 đ)

Những kiến nghị, đề xuất (nếu có).

Kết luận: Tự đánh giá đạt: điểm, đề nghị xếp loại:

Thời điểm báo cáo tự đánh giá thi đua về Phòng TCCB: Trước ngày 05/6 hàng năm.

Ghi chú:

+ Báo cáo số liệu trong năm học: Tính từ 1/7 năm trước đến 30/6 năm sau.

+ Ngoài báo cáo trên, phải gửi kèm bảng tổng hợp số liệu của đơn vị theo mẫu quy định và các báo cáo đột xuất khác theo yêu cầu nhiệm vụ.

+ Nội dung báo cáo và tự đánh giá theo 5 nội dung, ở mỗi nội dung cần nêu rõ kết quả đã đạt được, những tồn tại và nguyên nhân. Báo cáo ngắn gọn, dài không quá 5 trang A4 (không kể các biểu thống kê kèm theo)./.

HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ THI ĐUA NĂM HỌC 2019-2020
CÔNG TÁC TỔ CHỨC CÁN BỘ - ĐỐI VỚI CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC SỞ
(Kèm theo công văn số 443 /SGDDT-VP ngày 31 /10/2019 của Sở GD&ĐT)

1. Kiện toàn bộ máy theo quy chế tổ chức hoạt động hoặc điều lệ (tương ứng) của loại hình trường (trung tâm); công tác quản lý biên chế-quỹ lương (1 điểm).

- Kiện toàn kịp thời các tổ chức trong đơn vị (Hội đồng trường, tổ chuyên môn và tương đương, các hội đồng tư vấn, tổ chức Đảng, Đoàn thể, Hội ... trong đơn vị). (0,5 đ)

- Quản lý biên chế - quỹ lương: việc phân công lao động; đảm bảo đúng chế độ, chính sách; duyệt biên chế quỹ tiền lương hàng quý đúng thời gian quy định. (0,5 đ)

2. Xây dựng, kiện toàn, sử dụng, đánh giá, xếp loại đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên (3 điểm)

- Xây dựng, bổ sung quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ quản lý của đơn vị; bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó chuyên môn và tương đương; bồi dưỡng, phát triển đảng viên (nêu cụ thể số lượng đảng viên được kết nạp trong năm, tỉ lệ đảng viên hiện có). (1 đ)

- Tham mưu đề nghị hoặc quyết định điều động, tiếp nhận, tuyển dụng mới (chính xác, kịp thời, cơ cấu chuyên môn hợp lý); Xây dựng đội ngũ giáo viên cơ hữu và thỉnh giảng; tỉ lệ giáo viên cơ hữu (đối với đơn vị ngoài công lập). (1 đ)

- Đánh giá, xếp loại cán bộ, giáo viên, nhân viên đảm bảo khách quan, chính xác, phù hợp với chuẩn nghề nghiệp giáo viên, chuẩn hiệu trưởng, Chuẩn giám đốc và với mức độ hoàn thành nhiệm vụ của từng cá nhân và nhiệm vụ chính trị của đơn vị, không vì thành tích, nể nang, cào bằng hoặc trung bình chủ nghĩa (theo quy định tại theo Nghị định số 56/2015/NĐ-CP ngày 9/6/2015 về việc đánh giá, phân loại cán bộ công chức, viên chức). (1,0 đ)

3. Công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên (2 điểm)

- Tổ chức, tham gia, kết quả công tác bồi dưỡng thường xuyên về chuyên môn, bồi dưỡng chuyên đề, bồi dưỡng về lý luận chính trị, về quản lý nhà nước ... cho cán bộ, giáo viên, nhân viên. Có kế hoạch và triển khai công tác đào tạo, bồi dưỡng về chương trình giáo dục phổ thông năm 2018, bồi dưỡng giáo viên Tiếng Anh (trừ các đơn vị không dạy ngoại ngữ). (1,5 đ)

- Số lượng cán bộ, giáo viên đang học và được cử đi dự tuyển các lớp đào tạo (chuẩn hoá, nâng chuẩn, đào tạo về Ngoại ngữ, Tin học, quản lý...); tỉ lệ cán bộ giáo viên đạt chuẩn, trên chuẩn tại thời điểm báo cáo. (0,5 đ)

4. Công tác quản lý hồ sơ, thực hiện chế độ chính sách, khen thưởng, kỷ luật cán bộ, giáo viên, nhân viên (2 điểm)

- Kiện toàn, bổ sung, quản lý và sử dụng hồ sơ cán bộ (bao gồm cả hồ sơ điện tử) đối với cán bộ, giáo viên, nhân viên (trong và ngoài biên chế, nếu có).

(0,5 đ)

- Kết quả thực hiện, giải quyết các chế độ, chính sách: nâng lương, nâng lương sớm, chế độ phụ cấp, ốm đau, thai sản; nghỉ dưỡng sức, đóng nộp BHXH, nghỉ BHXH (kịp thời, chính xác, đúng thẩm quyền...). (0,5 đ)

- Thực hiện đúng quy định về thử việc và ký hợp đồng làm việc. Đối với đơn vị ngoài công lập cần báo cáo việc thực hiện ký hợp đồng lao động, đóng BHXH cho người hợp đồng của đơn vị (nêu rõ số lượng, tỉ lệ %). (0,5 đ)

- Việc xét, đề nghị khen thưởng, kỷ luật cán bộ, giáo viên, nhân viên kịp thời, chính xác, đúng thẩm quyền. (0,5 đ)

5. Đổi mới công tác quản lý giáo dục, cải cách thủ tục hành chính; thực hiện chế độ báo cáo (2 điểm)

- Thực hiện cải cách thủ tục hành chính; thực hiện quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường; xây dựng, bổ sung quy chế dân chủ, quy chế làm việc, quy chế chi tiêu nội bộ trong nhà trường. (1 đ)

- Số lượng báo cáo đủ, đúng thời hạn; đầy đủ nội dung, chính xác; Báo cáo kịp thời những khó khăn, vướng mắc, những kiến nghị, đề xuất trong việc thực hiện nhiệm vụ thuộc lĩnh vực TCCB. (1 đ)

** Những kiến nghị, đề xuất về công tác TCCB (nếu có).*

Kết luận: Tự đánh giá đạt: điểm, đề nghị xếp loại:

Thời điểm báo cáo tự đánh giá thi đua về Phòng TCCB: Trước ngày 05/6 hàng năm.

Ghi chú:

+ *Báo cáo số liệu trong năm học: Tính từ 1/7 năm trước đến 30/6 năm sau.*

+ *Ngoài báo cáo trên, phải gửi kèm bảng tổng hợp số liệu của đơn vị theo mẫu quy định và các báo cáo đột xuất khác theo yêu cầu nhiệm vụ.*

Nội dung báo cáo và tự đánh giá theo 5 nội dung, ở mỗi nội dung cần nêu rõ kết quả đã đạt được, những tồn tại và nguyên nhân; báo cáo ngắn gọn, không quá 2 trang A4./.

**HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ THI ĐUA NĂM HỌC 2019-2020
CÔNG TÁC THANH TRA**

Phụ lục 9

(Kèm theo công văn số 1443 /SGDDT-VP ngày 31 /10/2019 của Sở GD&ĐT)

TT	Nội dung	Điểm tối đa
1	<p>Xây dựng Kế hoạch kiểm tra</p> <ul style="list-style-type: none"> - Việc xây dựng Kế hoạch kiểm tra của đơn vị; - Triển khai tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về công tác kiểm tra của phòng GD&ĐT, của các cơ sở giáo dục trực thuộc Sở. 	1
2	<p>Việc thực hiện công tác kiểm tra (phòng GD&ĐT, các cơ sở giáo dục trực thuộc Sở)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Việc chỉ đạo, tổ chức thực hiện, kết quả công tác kiểm tra đối với các cơ sở giáo dục trực thuộc phòng (đối với các PGDDT); việc tổ chức kiểm tra nội bộ (đối với các đơn vị trực thuộc Sở): - Công tác kiểm tra theo kế hoạch; - Công tác kiểm tra đột xuất; - Việc tổ chức thực hiện nội dung, quy trình kiểm tra của đơn vị; - Hồ sơ lưu trữ theo quy định. 	1.5
3	<p>Kết quả thanh tra chuyên ngành, hành chính, thanh tra thi, thanh tra đột xuất, kiểm tra chuyên đề đối với các đơn vị</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với các PGDDT: + Thanh tra chuyên ngành PGDDT; + Thanh tra chuyên ngành, đột xuất các cơ sở giáo dục trực thuộc PGDDT. - Đối với các cơ sở giáo dục trực thuộc Sở: + Thanh tra chuyên ngành, hành chính, đột xuất; + Thanh tra qua các kì thi (thi nghề, thi THPT quốc gia, thi tuyển sinh lớp 10, thi chọn học sinh giỏi,...); + Kiểm tra chuyên đề các đơn vị. 	1.5
4	<p>Công tác tiếp công dân; giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Việc tổ chức tiếp công dân (địa điểm, cơ sở vật chất, nội quy, quy chế, lịch tiếp công dân,...); - Việc thực hiện, quy trình tiếp công dân; - Thẩm quyền giải quyết; quy trình, thủ tục giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh; - Lưu trữ hồ sơ. 	1
5	<p>Triển khai, thực hiện về công tác phòng chống tham nhũng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Việc triển khai, thực hiện các nội dung về phòng chống tham nhũng tại các đơn vị; thực hiện công khai, minh bạch trong đơn vị. - Việc triển khai, thực hiện Chỉ thị số 10/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ (đối với các trường THPT). 	0.5
6	<p>Tuyên truyền, quán triệt, triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, phổ biến giáo dục pháp luật...</p>	0.5
7	<p>Công tác quản lý dạy thêm, học thêm; thực hiện các khoản thu, chi của các cơ sở giáo dục</p> <ul style="list-style-type: none"> - Việc triển khai, thực hiện đối với các cơ sở giáo dục trực thuộc Sở ; 	3

TT	Nội dung	Điểm tối đa
	- Công tác chỉ đạo, hướng dẫn các văn bản, kiểm tra, quản lý của phòng GDĐT đối với các cơ sở giáo dục trực thuộc phòng.	
8	Các báo cáo, lưu trữ hồ sơ về công tác kiểm tra của đơn vị - Thời hạn nộp báo cáo, chất lượng báo cáo; - Việc lưu trữ hồ sơ về công tác kiểm tra của phòng GDĐT, của các cơ sở giáo dục trực thuộc Sở.	1
	Cộng	10

HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ THI ĐUA NĂM HỌC 2019-2020
CÔNG TÁC TỔNG HỢP; THI ĐUA, KHEN THƯỞNG VÀ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC;
ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG TRONG QUẢN LÝ VÀ DẠY HỌC
ĐỐI VỚI PHÒNG GD&ĐT CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ; CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC SỞ
(Kèm theo công văn số 1443 /SGDDT-VP ngày 31 /10/2019 của Sở GD&ĐT)

STT	Nội dung	Điểm tối đa	Điểm đơn vị tự chấm	Điểm Văn phòng chấm
I	Công tác tổng hợp	2,0		
1	Chấp hành chế độ báo cáo	1,0		
	Gửi Kế hoạch triển khai thực hiện nhiệm vụ năm học: trước ngày 10/9/2019; Báo cáo hàng tháng: trước ngày 25 hàng tháng			
	Báo cáo sơ kết học kỳ I: trước ngày 10/01/2019; Báo cáo Tổng kết năm học: trước ngày 15/6/2020			
	Báo cáo bất thường khác theo yêu cầu của Sở (do Văn phòng Sở tham mưu ban hành)			
2	Tham dự đầy đủ các hội nghị, tập huấn, họp	1,0		
II	Công tác Thi đua, khen thưởng và nghiên cứu khoa học	3,0		
1	Chấp hành các văn bản hướng dẫn về thi đua, khen thưởng. Tổ chức phát động các phong trào thi đua theo sự chỉ đạo của Sở, Ngành; của các tổ chức Đoàn thể.	0,5		
2	Thực hiện có hiệu quả phong trào thi đua "Đổi mới, sáng tạo trong dạy và học"; Làm tốt công tác phát hiện, bồi dưỡng, tổng kết và nhân rộng điển hình tiên tiến	1,0		
3	Công tác nghiên cứu khoa học, viết sáng kiến	0,5		
4	Chấp hành chế độ báo cáo; số liệu báo cáo; Hồ sơ về công tác thi đua, khen thưởng, nghiên cứu khoa học và viết sáng kiến	1,0		
III	Công tác ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong quản lý, dạy học	5,0		
1	Triển khai hệ thống cổng thông tin điện tử, website giáo dục theo hướng dẫn tại Thông tư số 53/2012/TT-BGDĐT ngày 20/12/2012 của Bộ GDĐT	1,0		
	Cập nhật thường xuyên các thông tin cơ bản như: Giới thiệu trường, giới thiệu tóm tắt về lãnh đạo đơn vị, thông tin về cán bộ giáo viên, lịch làm việc hàng tuần, thời khóa biểu, các thủ tục hành chính - nếu có	0,5		
	Cập nhật trên website tối thiểu 02 tin / 1 tháng như: Tin về các hoạt động của đơn vị; điểm tổng kết cuối học kỳ, cuối năm của học sinh; gương người tốt, việc tốt, gương điển hình tiên tiến; ...	0,5		
2	Ứng dụng CNTT trong điều hành và quản lý giáo dục	2,5		
	Cập nhật dữ liệu đầy đủ, chính xác trên hệ thống báo cáo trực tuyến tại http://csdl.moet.gov.vn ; thực hiện báo cáo thống kê theo quy định	1,0		
	Triển khai phần mềm quản lý trường học (như quản lý học sinh, giáo viên, quản lý thi, xếp thời khóa biểu); sử dụng sổ điểm điện tử, học bạ điện tử và triển khai giải pháp trao đổi thông tin về học tập, rèn luyện với phụ huynh học sinh qua OTT, email, website	0,8		

STT	Nội dung	Điểm tối đa	Điểm đơn vị tự chấm	Điểm Văn phòng chấm
	Triển khai các phần mềm trực tuyến khác như: quản lý văn bản điều (gửi/ nhận văn bản), kế toán; ứng dụng chữ ký số trong gửi/ nhận văn bản	0,7		
3	Ứng dụng CNTT trong dạy và học	1,0		
	Số bài giảng e-learning gửi về Sở GDĐT và gửi trên website của đơn vị (mỗi đơn vị có tối thiểu có 1 bài giảng e-learning trên 1 môn học gửi về Sở)	0,5		
	Số lượng giáo viên ứng dụng Công nghệ thông tin dạy học trên lớp học; Số lượng giáo viên có thể soạn bài giảng e-learning - Kết quả thực	0,5		
4		0,5		
	Nộp đúng thời gian	0,3		
	Nộp đúng mẫu	0,2		
	Tổng điểm	10,0		

Ghi chú:

Cơ sở đánh giá:

- 1 Cơ sở đánh giá cho điểm từng mục của từng tiêu chí: Là kết quả quá trình thực hiện nhiệm vụ của đơn vị qua theo dõi, kiểm tra của cơ quan quản lý.

Tổ chức thực hiện: Căn cứ vào các tiêu chí thi đua nêu trên, các đơn vị rà soát việc thực hiện nhiệm vụ năm học và tự đánh giá cho điểm đơn vị. Cuối năm học các đơn vị gửi bản tự chấm điểm có dấu đỏ về Văn phòng Sở GD&ĐT đồng thời gửi bản mềm qua email: phongcntt.soninhbinh@moet.edu.vn trước ngày 31/5/2020./.

HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ THI ĐUA NĂM HỌC 2019-2020
CÔNG TÁC TỔNG HỢP - ĐỐI VỚI TRUNG TÂM GDNN-GDTX CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ
(Kèm theo công văn số 1443/SGDĐT-VP ngày 31 /10/2019 của Sở GD&ĐT)

STT	Nội dung	Điểm tối đa	Điểm đơn vị tự chấm	Điểm Văn phòng chấm
1	Chấp hành chế độ báo cáo	6,0		
	Gửi Kế hoạch triển khai thực hiện nhiệm vụ năm học: trước ngày 10/9/2019; Báo cáo hàng tháng: trước ngày 25 hàng tháng	2,0		
	Báo cáo sơ kết học kỳ I: trước ngày 10/01/2019; Báo cáo Tổng kết năm học: trước ngày 15/6/2020	2,0		
	Báo cáo bất thường khác theo yêu cầu của Sở (do Văn phòng Sở tham mưu ban hành)	2,0		
2	Tham dự đầy đủ các hội nghị, tập huấn, họp	4,0		
	Tổng điểm	10,0		

HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ THI ĐUA NĂM HỌC 2019-2020
THỰC HIỆN CÁC CUỘC VẬN ĐỘNG, PHONG TRÀO THI ĐUA
VÀ CÔNG TÁC THAM MƯU VỚI CẤP ỦY ĐẢNG, CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG
(Kèm theo công văn số 1443 /SGDDĐT-VP ngày 31 /10/2019 của Sở GD&ĐT)

1. Triển khai học tập và thực hiện (2 điểm)

- Các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng; chính sách, pháp luật của nhà nước; tiếp tục thực hiện nghị quyết Đại hội Đảng các cấp; Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII; Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Ninh Bình lần thứ XXI (0,5 điểm).

- Nghị quyết Đại hội Công đoàn Việt Nam lần thứ XII, Đại hội Công đoàn tỉnh Ninh Bình lần thứ XV, Đại hội Công đoàn Giáo dục Việt Nam lần thứ XV, Đại hội Công đoàn Giáo dục tỉnh Ninh Bình lần thứ XVI và các chương trình công tác của công đoàn các cấp. Xây dựng quy chế hoạt động, chương trình, kế hoạch phù hợp với tình hình thực tiễn của đơn vị, triển khai tổ chức thực hiện đạt kết quả tốt. (0,5 điểm).

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo (0,5 điểm).

- Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05- CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh (0,5 điểm).

2. Phát động các phong trào thi đua ở đơn vị, trường học theo các chủ đề trong năm học (2 điểm)

- Tiếp tục phát động, thực hiện phong trào thi đua với chủ đề “Đổi mới, sáng tạo trong dạy và học” giai đoạn 2016 - 2020 trong năm học theo các văn bản chỉ đạo của ngành, của Bộ GDĐT và CDGD Việt Nam (0,5 điểm).

- Sau mỗi đợt phát động thi đua có đánh giá, xếp loại, sơ kết, tổng kết, tôn vinh khen thưởng (0,5 điểm).

- Có giải pháp thực hiện hiệu quả việc chống tiêu cực và khắc phục bệnh thành tích trong giáo dục (0,5 điểm).

- Giải quyết những nội dung về giáo dục trong đơn vị, trường học gây bức xúc trong dư luận xã hội, địa phương (0,5 điểm).

3. Thực hiện phong trào thi đua “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực” (1 điểm)

- Tiếp tục tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương xây dựng kế hoạch thực hiện phong trào. Tổ chức học tập nội dung tiêu chuẩn, tiêu chí “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực” theo các cấp học (0,5 điểm).

- Tổ chức kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện các nội dung tiêu chuẩn, tiêu chí “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực” của đơn vị. Đề ra các giải pháp thực hiện có hiệu quả phong trào thi đua “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực”; đăng ký xây dựng cơ quan, đơn vị trường học đạt

chuẩn văn hóa năm 2020 (0,5 điểm).

4. Tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương (2 điểm)

- Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ chính sách hiện hành của nhà nước, của ngành đối với cán bộ, giáo viên, nhân viên và người lao động trong đơn vị (0,5 điểm).

- Ôn định hoạt động giáo dục, hạn chế học sinh bỏ học, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện (0,5 điểm).

- Xây dựng quy chế, ban hành văn bản của nhà trường, địa phương về các chế độ, chính sách đối với đội ngũ nhà giáo và người lao động (0,5 điểm).

- Thực hiện các chế độ, chính sách của nhà trường, của địa phương để hỗ trợ giáo dục và đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên và người lao động trong đơn vị, trường học (0,5 điểm).

5. Thực hiện chức năng tham gia quản lý (1 điểm)

- Chỉ đạo, thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở; nâng cao vai trò, vị thế của tổ chức công đoàn trong nhà trường; Chủ động tham gia xây dựng mối quan hệ lao động hài hòa, ổn định, tiến bộ; (0,5 điểm).

- Phối hợp với chuyên môn chỉ đạo, tổ chức có chất lượng hội nghị CBCCVC, hội nghị người lao động; tăng cường tổ chức đối thoại; tiếp tục tham gia vào quá trình đổi mới chương trình giáo dục phổ thông; triển khai các giải pháp nâng cao năng lực nghề nghiệp, phẩm chất đạo đức và phong cách của CBNGNLD; triển khai Đề án “Xây dựng văn hóa ứng xử trong trường học giai đoạn 2018 - 2025” theo Quyết định số 1506/KH-BGDĐT của Bộ GD&ĐT (0,5 điểm).

6. Thực hiện có hiệu quả các cuộc vận động (2 điểm)

- Cuộc vận động “Dân chủ - Kỷ cương - Tình thương - Trách nhiệm” (0,5 điểm).

- Cuộc vận động “Mỗi thầy, cô giáo là một tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo” (0,5 điểm).

- Các cuộc vận động, phong trào thi đua khác của ngành (1 điểm)/.

**DANH SÁCH KHỐI THI ĐUA VÀ PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ
TRƯỜNG KHỐI, PHÓ KHỐI NĂM HỌC 2019-2020
KHỐI CÁC TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG**

(Kèm theo Công văn số 1443 /SGDDT-VP ngày 31 /10/2019 của Sở GD&ĐT)

TT	Tên đơn vị
I. Khối 1 gồm 14 Trường THPT thuộc các huyện Nho Quan, Gia Viễn, Hoa Lư và thành phố Ninh Bình:	
1	Trường THPT Nho Quan B - Trường khối 1
2	Trường THPT Gia Viễn A - Phó trường khối 1
3	Trường THPT Hoa Lư A
4	Trường THPT Chuyên Lương Văn Tụy
5	Trường THPT Đinh Tiên Hoàng
6	Trường THPT Trần Hưng Đạo
7	Trường THPT Nho Quan C
8	Trường THPT Gia Viễn B
9	Trường THPT Gia Viễn C
10	Trường THPT Nho Quan A
11	Trường THPT Ninh Bình - Bạc Liêu
12	Trường THPT Dân tộc nội trú
13	Trường THPT Nguyễn Công Trứ
14	Trường THPT Trương Hán Siêu
II. Khối 2 gồm 12 Trường THPT thuộc các huyện Yên Khánh, Kim Sơn, Yên Mô và thành phố Tam Điệp	
1	Trường THPT Nguyễn Huệ - Trường khối 2
2	Trường THPT Yên Mô A - Phó trường khối 2
3	Trường THPT Yên Khánh A
4	Trường THPT Kim Sơn A
5	Trường THPT Kim Sơn B
6	Trường THPT Yên Mô B
7	Trường THPT Yên Khánh B
8	Trường THPT Bình Minh
9	Trường THPT Ngô Thị Nhậm
10	Trường THPT Kim Sơn C
11	Trường THPT Vũ Duy Thanh
12	Trường THPT Tạ Uyên

(Danh sách có 26 đơn vị)

DANH SÁCH KHỐI THI ĐUA VÀ PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ
TRƯỞNG KHỐI, PHÓ KHỐI NĂM HỌC 2019-2020
KHỐI PHÒNG GD&ĐT CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ

(Kèm theo Công văn số *1443* /SGDDT-VP ngày *31* /10/2019 của Sở GD&ĐT)

TT	Tên Phòng Giáo dục và Đào tạo
1	Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Yên Khánh - Trưởng khối
2	Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hoa Lư - Phó trưởng khối
3	Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Ninh Bình - Trưởng khối
4	Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Tam Điệp
5	Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Nho Quan
6	Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Kim Sơn
7	Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Yên Mô
8	Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Gia Viễn

(Danh sách có 08 đơn vị)

HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ THI ĐUA NĂM HỌC 2019-2020
CÔNG TÁC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC
ĐỐI VỚI CÁC TRƯỜNG THPT; PHÒNG GD&ĐT CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ
(Kèm theo công văn số 443/SGDDT-VP ngày 31/10/2019 của Sở GD&ĐT)

A. Các nội dung đánh giá, xếp loại thi đua

1. Công tác khảo thí: 3,5 điểm.
2. Công tác kiểm định chất lượng giáo dục: 3,5 điểm.
3. Công tác xây dựng ngân hàng đề thi: 1,25 điểm.
4. Công tác khảo sát, đánh giá chất lượng giáo dục về văn hóa: 1,0 điểm.
5. Thực hiện chế độ thông tin báo cáo, quản lý, cấp phát văn bằng, chứng chỉ đúng quy định: 0,75 điểm.

B. Cách đánh giá, xếp loại

- Xếp đơn vị theo từng khối thi đua đã quy định của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Ninh Bình.
- Điểm của các nội dung được đánh giá dưới đây là điểm tối đa mà đơn vị đạt được.

C. Cụ thể hóa các nội dung, tiêu chí đánh giá thi đua

I. Công tác khảo thí (3,5 điểm)

1. Tham mưu với UBND huyện, thành phố và với Sở GD&ĐT để hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật (nếu có) và có văn bản chỉ đạo các kỳ thi và tổ chức kiểm tra kịp thời. Phối hợp tốt với các ban, ngành để chỉ đạo tổ chức thi (0,25 điểm).
2. Xây dựng kế hoạch và phương án tổ chức các kỳ thi và kiểm tra, hướng dẫn thi theo đúng tiến độ và chỉ đạo của Sở GD&ĐT, sát tình hình địa phương. Bố trí đủ kinh phí, chuẩn bị tốt về các điều kiện để phục vụ tổ chức thi. Tổ chức các hội nghị và tập huấn về công tác khảo thí đúng quy định. (0,25 điểm).
3. Bố trí đủ cán bộ làm công tác thi, trong đó có cán bộ thành thạo công nghệ thông tin để tham gia nhập dữ liệu, xử lý số liệu và quản lý dữ liệu thi. Cử người tham gia công tác khảo thí đúng thành phần, đủ số lượng theo điều động của Sở GD&ĐT (0,25 điểm).
4. Tham gia đầy đủ và đúng thành phần các hội nghị, hội thảo, tập huấn về công tác khảo thí của Sở GD&ĐT, sử dụng có hiệu quả công nghệ thông tin vào công tác khảo thí (0,25 điểm).
5. Xếp hạng các kỳ thi chọn học sinh giỏi, học viên giỏi các môn văn hóa cấp tỉnh (1,25 điểm).
6. Tổ chức các kỳ thi và kiểm tra của đơn vị đảm bảo an toàn, không có sai sót, không có vênh lệch so với báo cáo của đơn vị. Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc (nếu có), tổ chức, thực hiện công tác thi, xét tốt nghiệp đảm bảo an toàn, đúng quy chế, đúng nhiệm vụ được giao (1,0 điểm).
7. Thực hiện nghiêm túc chỉ đạo của Sở GD&ĐT, phối hợp tốt với phòng Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục trong việc tổ chức các kỳ thi (0,25 điểm).

II. Công tác kiểm định chất lượng giáo dục (3,5 điểm)

1. Có kế hoạch công tác KĐCLGD, kế hoạch tự đánh giá có tính khả thi, phù hợp với điều kiện thực tế của đơn vị và bảo đảm yêu cầu của Bộ GD&ĐT, Sở GD&ĐT Ninh Bình. Kết quả việc thực hiện công tác chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát đối với công tác kiểm định chất lượng giáo dục của đơn vị theo quy định của Bộ GD&ĐT, Sở GD&ĐT (0,25 điểm).

2. Tổ chức tập huấn tự đánh giá và tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ về công tác kiểm định chất lượng giáo dục cho các cán bộ, giáo viên, nhân viên thuộc đơn vị quản lý. Định kỳ tổ chức hội nghị sơ kết, tổng kết và các hội thảo về công tác kiểm định chất lượng giáo dục. Cử đủ số lượng và đảm bảo chất lượng cán bộ tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn và dài hạn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý chất lượng giáo dục theo quy định (0,25 điểm).

3. 100% số trường hoàn thành công tác tự đánh giá (0,75 điểm).

4. Ứng dụng có hiệu quả công nghệ thông tin (0,25 điểm).

5. Kết quả đánh giá ngoài, được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục ở các cấp độ khác nhau và công khai kết quả KĐCLGD theo quy định đối với các đơn vị trực thuộc. Đối với các phòng GD&ĐT phải có 70% số trường MN, TH, THCS được đánh giá ngoài, được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục ở các cấp độ khác nhau và công khai kết quả KĐCLGD theo quy định (trong đó có ít nhất 50% số trường được đánh giá ngoài và công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục ở các cấp độ khác nhau của chu kỳ 2) (1,25 điểm).

6. Kết quả việc thực hiện kế hoạch cải tiến chất lượng (0,75 điểm).

III. Công tác xây dựng ngân hàng đề thi (1,25 điểm)

1. Đề thi được xây dựng đảm bảo đúng quy trình, thể thức và cấu trúc. Nộp đề thi về Sở GD&ĐT đúng thời gian, đủ số lượng và chủng loại theo quy định (0,5 điểm).

2. Đề thi đảm bảo về chất lượng: Được xác định bằng điểm bình quân qua kết quả thẩm định của Sở GD&ĐT (0,75 điểm).

IV. Công tác khảo sát, đánh giá chất lượng giáo dục về văn hóa (1,0 điểm)

1. Cử người tham gia công tác khảo sát, đánh giá đúng thành phần, đủ số lượng theo điều động của Sở GD&ĐT. Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc (nếu có), tổ chức, thực hiện công tác khảo sát, đánh giá đảm bảo an toàn, đúng quy chế, đúng nhiệm vụ được giao (0,25 điểm).

2. Kết quả điểm trung bình chung của các môn được khảo sát, đánh giá theo từng cấp học: Được tính bằng tổng trung bình điểm của các môn được khảo sát, đánh giá của cấp học đó (0,75 điểm).

V. Thực hiện chế độ báo cáo (0,75 điểm)

1. Thực hiện chế độ báo cáo theo từng nội dung thi đua đảm bảo đầy đủ, chính xác, đúng biểu mẫu, đúng thời gian quy định (0,25 điểm)

2. Quản lý, cấp phát văn bằng, chứng chỉ đúng quy định (0,5 điểm)./.